TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 7- 2019
V/v: *ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Đẳng

Ông Đoàn Quốc Thống

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Huỳnh Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2019/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Mộng C, sinh năm 1974

Địa chỉ cư trú: ấp 8, xã KH, huyện UM, tỉnh CM (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn Ch, sinh năm 1977

Địa chỉ cư trú: ấp 8, xã KH, huyện U M, tỉnh CM (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 02 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Mộng C trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Mộng C và anh Phan Văn Ch tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong làm ăn và trong sinh hoạt hàng ngày, anh Ch khó khăn, hẹp hòi, thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện gây sự, chưởi mắn, đánh đập chị, nhiều lần dùng dao hăm dọa chị, từ đó mâu thuẫn dẫn đến trầm trọng không thể hàn gắn được nên ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị C nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Ch.

- Về con chung có 02 người con chung tên Phan Văn Th, sinh năm 1997 và Phan Hồng Ng, sinh năm 1998, hiện các con đã tưởng thành không yêu cầu xem xét.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Mộng C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn Ch, địa chỉ cư trú ấp 8, xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, theo khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Phan Văn Ch được thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Ch vắng mặt, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được và mở phiên tòa xét xử sơ thẩm triệu tập anh Ch tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, xét xử vắng mặt anh Ch theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Mộng C và anh Phan Văn Ch tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996. Trong quá trình chung sống giữa Chị C với anh Ch xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân nhau và Chị C yêu cầu được ly hôn với anh Ch. Tuy nhiên giữa Chị C và anh Ch chung sống vợ chồng với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo Luật hôn nhân và gia đình tại điều 9 quy định "*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý*" và tại khoản 1 Điều 14 quy định "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*" và tại khoản 2 Điều 53 quy định *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng…"*. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Mộng C với anh Phan Văn Ch.

[3] Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét

[4] Về tài sản chung: Chị Huỳnh Mộng C xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phan Văn Ch cũng không có ý kiến gì nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Huỳnh Mộng C xác định không có, anh Phan Văn Ch cũng không có ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và đình sơ thẩm chị Huỳnh Mộng C phải chịu 300.000 đồng, Chị C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004234 ngày 26/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu; anh Phan Văn Ch không phải chịu án phí. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Mộng C với anh Phan Văn Ch.

- Về con chung: Không xem xét

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: chị Huỳnh Mộng C phải chịu 300.000 đồng, Chị C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004234 ngày 26/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu; anh Phan Văn Ch không phải chịu án phí

Án xử sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
-Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Thanh Nguyễn